TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2019/DS-PT
Ngày: 23 - 7 - 2019
V/v tranh chấp thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Nữ Phà Ca

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Bà Trần Thị Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Yến - Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2019/TLPT-DS ngày 03 tháng 4 năm 2019 về việc "tranh chấp thừa kế tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DSST ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 136/2019/QĐPT-DS ngày 10 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Châu Ngọc Quế H1; Cư trú tại: Đường Nguyễn Chí T, phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Châu Ngọc Quế H: Bà Lê Kim H2; Cư trú tại: Đường Nguyễn Chí T, phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (Văn bản ủy quyền ngày 01/7/2015).

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị C; Cư trú tại: Đường Phạm H, khóm M, phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Phạm Thị C: Anh Châu Hồng P; Cư trú tại: Đường Phạm H, khóm M, phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (Văn bản ủy quyền ngày 22/5/2019).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Châu Hồng T1; Cư trú tại: Chợ T, đường Quang T, phường M, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chị Châu Thị Liên H3; Cư trú tại: Đường Đinh Tiên H, khóm B, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

3. Anh Châu Hồng P; Cư trú tại: Đường Phạm H, khóm M, phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

4. Chị Châu Ngọc D1; Cư trú tại: Liên khu 1, đường số T, khu đô thị A, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

5. Anh Châu Hồng D2; Cư trú tại: Ấp Tân Vĩnh T, xã Tân N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

6. Chị Huỳnh Thị Hồng T2.

7. Cháu Châu Hồng Q.

8. Cháu Châu Hồng L1, sinh năm: 2011.

Người đại diện hợp pháp của cháu Châu Hồng L1 là anh Châu Hồng P và chị Huỳnh Thị Hồng T2.

Cư trú tại: Đường Phạm H, khóm M, phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

9. Ủy ban nhân dân thành phố V.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trung K. Chức vụ: Chủ tịch.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Phạm Thị C.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/8/2015, đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình giải quyết nguyên đơn Châu Ngọc Quế H1 cùng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Lê Kim H2 trình bày:

Ông bà nội của chị H1 là cụ Châu Phan L2 (Châu L2) (chết năm 2008) và cụ Phạm Thị Ccó 05 người con ruột gồm Châu Hồng S (chết năm 1994) có vợ tên Hoàng Thị Kim L3 và 02 người con tên Châu Ngọc D1, Châu Hồng D2; Châu Hồng T1; Châu Hồng M (chết năm 1995) có vợ tên Lê Kim H2 và 01 người con là chị là Châu Ngọc Quế H1; Châu Thị Liên H3; Châu Hồng P.

Cụ L3 chết không để lại di chúc nhưng có để lại di sản gồm thửa đất số 20, tờ bản đồ số 37, diện tích 153,5m^2, loại đất thổ cư, gắn liền căn nhà lầu kết

cấu một trệt một lầu, tọa lạc tại số 231, khóm M, phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Hiện do bà Phạm Thị C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chị H1 cho rằng trình tự, thủ tục bà C nhận thừa kế tài sản từ ông L3 không phù hợp quy định pháp luật do không có chữ ký của người thừa kế thế vị trong tờ khai thừa kế. Chị H1 xác định giá trị nhà và đất tại địa chỉ số 231, phường C, thành phố V khoảng 2.400.000.000 đồng. Phần đất và căn nhà trên có nguồn gốc là tài sản chung của cụ L3 và cụ C tạo lập trong thời kỳ hôn nhân nên tài sản của cụ C là ½ và di sản của cụ L3 là ½ trị giá là 1.200.000.000 đồng.

Nay chị yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 20, tờ bản đồ số 37, diện tích 153,5m^2 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp cho bà Phạm Thị C và yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ L3 thành 06 phần gồm 01 phần của bà C, 05 phần của các con, chị yêu cầu được hưởng 01 phần thừa kế thế vị của cha ruột là ông Châu Hồng M trị giá bằng 200.000.000 đồng.

Tại tờ tường trình ngày 29/02/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phạm Thị C trình bày:

Bà và ông Châu Phan L3 (Châu L3) kết hôn vào năm 1966. Bà và ông L3 có 05 người con gồm 05 người con ruột gồm Châu Hồng S (chết năm 1994) có vợ tên Hoàng Thị Kim L3 và 02 người con tên Châu Ngọc D1, Châu Hồng D2; Châu Hồng T1; Châu Hồng M (chết năm 1995) có vợ tên Lê Kim H2 và 01 người con Châu Ngọc Quế H1; Châu Thị Liên H3; Châu Hồng P.

Ngoài ra, ông L3 còn có 02 người con riêng tên là Châu Thị N cư trú tại Gò R, huyện T, tỉnh Vĩnh Long và anh Châu Hồng D (tỉnh Thanh Hóa).

Năm 2008, ông L3 chết không để lại di chúc. Trong quá trình sống chung ông L3 và bà có tạo lập ra khối tài sản chung gồm căn nhà 01 trệt 01 lầu số 231, khóm M, phường C, thành phố Vĩnh Long gắn liền với thửa đất số 20, tờ bản đồ số 37, diện tích 153,5m^2. Bà xác định căn nhà số 231 gắn liền với đất là di sản do ông L3 để lại, bà đã nhận thừa kế từ ông L3 là đúng trình tự, thủ tục và căn nhà này dùng để làm nhà thờ dòng họ, không mua bán, không chia tài sản nên bà không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/4/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Châu Hồng P trình bày:

Anh là con ruột của ông L3 và bà C. Anh thống nhất năm mất, hàng thừa kế của ông L3 và lời trình bày của bà C. Hiện anh cùng với bà C đang quản lý, cư trú tại căn nhà số 231. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì anh không thống nhất. Ngoài ra, anh không có yêu cầu hay ý kiến gì khác.

Tại biên bản lấy lời ngày 01/3/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Châu Thị Liên H3 trình bày:

Chị là con ruột của ông L3 và bà C. Chị thống nhất về năm mất, hàng thừa kế của ông L3 và lời trình bày của bà C. Ngoài ra, chị không có yêu cầu hay ý kiến gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Châu Hồng T1, chị Châu Ngọc D1, anh Châu Hồng D2, chị Huỳnh Thị Hồng T, cháu Châu Hồng Q, cháu Châu Hồng L1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại công văn số 666/UBND-NC ngày 16/4/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long trình bày: Ủy ban nhân dân thành phố V không có ý kiến trong vụ án này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DSST ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 69, 104, 147, 165, 184, 186, 227, 228, 259 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 643, 649, 650. 651, 652, 660, 662 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 33 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 48 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ; Điều 17 của Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC ngày 28/3/2014 "Hướng dẫn thi hành Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự về định giá tài sản, thẩm định giá tài sản"; điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 04/2014/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao "Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án".

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Châu Ngọc Quế H1.

Buộc bà Phạm Thị C chia thừa kế thế vị Châu Ngọc Quế H1 một kỷ phần thừa kế đối với quyền sử dụng đất thửa số 20, tờ bản đồ số 37, diện tích 153,5m^2 và quyền sở hữu căn nhà số 231, khóm M, phường C, thành phố V bằng giá trị, số tiền 162.467.329 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 10 tháng 01 năm 2019, bị đơn bà Phạm Thị C có đơn kháng cáo với nội dung bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 22 tháng 02 năm 2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long có quyết định kháng nghị số 31/QĐKNPT-VKS-DS với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm vì vi phạm trong việc định giá và áp dụng giá đất, cách tuyên án chưa chính xác.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Phạm Thị C là anh Châu Hồng P thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo. Đồng ý chia di sản thừa kế của ông Châu Phan L3 để lại cho chị H1 một phần thừa kế theo quy định của pháp luật. Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Phạm Thị C là anh Châu Hồng P và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Châu Ngọc Quế H1 là bà Lê Kim H2 tự nguyện thỏa thuận xác định giá trị thửa đất số 20, tờ bản đồ số 37, diện tích 153,5m^2 và căn nhà số 231 gắn liền phần đất tọa lạc tại số 231, khóm M, phường C, thành phố V theo giá của Hội đồng định giá do Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long thành lập theo biên bản định giá tài sản ngày 16/01/2019, cụ thể: giá đất là 7.000.000 đồng/m^2 x 153,5m^2= 1.074.500.000 đồng; Giá nhà 1 trệt, 1 lầu + nhà phụ phía trước + nhà phụ phía sau = 395.715.869 đồng. Tổng cộng nhà và đất trị giá bằng 1.470.215.869 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà C. Chấp nhận kháng nghị của Việt kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Châu Ngọc Quế H1. Buộc bà Phạm Thị C có nghĩa vụ chia cho bà Châu Ngọc Quế H1 1 kỷ phần thừa kế thế vị của ông Châu Hồng M bằng giá trị là 122.517.500 đồng. Chị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 6.325.500 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Châu Hồng T1, chị Châu Thị Liên H3, chị Châu Ngọc D1, anh Châu Hồng D2, chị

Huỳnh Thị Hồng T1, cháu Châu Hồng Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, Ủy ban nhân dân thành phố V được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với họ.

[2] Xét về hàng thừa kế: Theo các chứng cứ trong hồ sơ và lời thừa nhận của các đương sự thì ông Châu Phan L3 (chết năm 2008) và ông Phạm Thị C có 05 người con chung gồm Châu Hồng S (chết năm 1994) có vợ tên Hoàng Thị Kim L và 02 người con tên Châu Ngọc D1, Châu Hồng D2; Châu Hồng T1; Châu Hồng M (chết năm 1995) có vợ tên Lê Kim H2 và 01 người con Châu Ngọc Quế H1; Châu Thị Liên H3; Châu Hồng P.

[3] Về di sản và yêu cầu chia thừa kế: Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Phạm Thị C là anh Châu Hồng P và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Châu Ngọc Quế H1 là bà Lê Kim H2 đều thừa nhận thửa đất số 20, tờ bản đồ số 37, diện tích 153,5m^2, loại đất thổ cư tọa lạc tại khóm 1, phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long và căn nhà 1 trệt, 1 lầu gắn liền phần đất trên là tài sản chung của ông L3 và bà C. Căn cứ tại Điều 17 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 và Điều 219, Điều 223 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì căn nhà số 231 gắn liền với phần đất thửa số 20, tờ bản đồ số 37, diện tích 153,5m^2 là tài sản chung của bà C và ông L3 nhưng ông L3 đã chết thì bà C được quyền định đoạt ½ giá trị căn nhà số 231 gắn liền với thửa đất số 20, phần còn lại ½ giá trị căn nhà số 231 gắn liền với thửa đất số 20 là di sản của ông L3.

Khi ông Châu Phan L3 còn sống thì ông L3 có lập nhiều di chúc nhưng do các di chúc đều không hợp pháp nên các đương sự thống nhất căn cứ Điều 675 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì di sản của ông L3 sẽ được chia đều cho các đồng thừa kế theo pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Phạm Thị C là anh Châu Hồng P thừa nhận ông Châu Hồng M là con của ông Châu Phan L3 (ông M chết năm 1995 trước ông L3) và ông M có vợ là chị Lê Kim H2 và 01 người con Châu Ngọc Quế H1 nên ông P đại diện cho bà C đồng ý chia cho chị Quế H1 một kỷ phần thừa kế thế vị theo quy định pháp luật và chia bằng giá trị. Còn lại các kỷ phần thừa kế khác các đồng thừa kế không yêu cầu chia vì bà C và các con của bà C, ông L3 đã thỏa thuận để nhà, phần đất thửa đất 20 làm di sản dùng để thờ cúng ông bà.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Phạm Thị C là anh Châu Hồng P và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Châu Ngọc Quế H1 là bà Lê Kim H2 đồng ý thỏa thuận xác định giá trị thửa đất số 20, tờ bản đồ số 37, diện tích 153,5m^2 và căn nhà số 231 gắn liền phần đất tọa lạc tại số 231, khóm M, phường C, thành phố V theo giá của Hội đồng định giá do Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long thành lập theo biên bản định giá tài sản ngày

16/01/2019, cụ thể: giá đất là 7.000.000 đồng/m^2 x 153,5m^2= 1.074.500.000 đồng; Giá nhà 1 trệt, 1 lầu + nhà phụ phía trước + nhà phụ phía sau = 395.715.869 đồng. Tổng cộng nhà và đất trị giá bằng 1.470.215.869 đồng. Như vậy trị giá di sản của ông L3 gồm giá trị ½ căn nhà số 231, gắn liền với thửa đất số 20 là 735.107.934 đồng/6 phần nên một kỷ phần thừa kế bằng 122.517.500 đồng.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên được công nhận.

Do đó, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Chúc và chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long, sửa bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị H1 phải chịu án phí đối với kỷ phần được hưởng là: 122.517.989 đồng x 5% = 6.125.900 đồng và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không được chấp nhận.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 219, 223, 631, 634, 635, 674, 675, 676, 677, 687 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 100, Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 17 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị C. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DSST ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Châu Ngọc Quế H1.

Buộc bà Phạm Thị C có nghĩa vụ chia cho chị Châu Ngọc Quế H1 một kỷ phần thừa kế thế vị của ông Châu Hồng M đối với quyền sử dụng đất thửa số 20, tờ bản đồ số 37, diện tích 153,5m^2 và quyền sở hữu căn nhà số 231, khóm M,

phường C, thành phố V bằng giá trị là 122.517.500 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu năm trăm mười bảy ngàn năm trăm đồng).

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Châu Ngọc Quế H1 phải chịu 6.325.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H1 đã nộp 5.000.000 đồng theo biên lai thu số 28040 ngày 21/9/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Sau khi khấu trừ chị H1 phải nộp tiếp 1.325.900 đồng (Một triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn chín trăm đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- CA: 01;
- TACC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND TPVL: 01;
- VKSND TPVL: 01;
- Chi Cục THADS TPVL: 01;
- Đương sự: 10;
- Lưu: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Sơn Nữ Phà Ca